

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H.H
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 10 - 01 - 2024
V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H.H, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.H.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H.H, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố số X, thị trấn T, huyện H.H, tỉnh Nam Định, “vắng mặt”;

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố số X, thị trấn T, huyện H.H, tỉnh Nam Định, “vắng mặt”;

Người làm chứng: Ông Phạm Văn B, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ dân phố số X, thị trấn T, huyện H.H, tỉnh Nam Định, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 11 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T ngày 13/7/2004 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị H và anh H chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do tính tính lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, ngoài ra còn do anh H thường xuyên uống rượu say, chửi và đánh chị H. Vì thương con chị H đã cố gắng nhẫn nhịn và nhiều lần phân tích, khuyên bảo anh H nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn

vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị H không thể chịu đựng được thêm nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 07 năm 2022, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, cắt đứt tình cảm và mọi nghĩa vụ, trách nhiệm với nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị H và anh H có 02 con chung là Phạm Anh T sinh ngày 01/7/2005 và Phạm Trung H sinh ngày 27/9/2011. Hiện cháu Thư đã thành niên, tự lo được cuộc sống nên chị H không yêu cầu giải quyết; cháu Hiếu đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Hiếu, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện H.H đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 285/2023/TLST – HNGĐ, ngày 10/11/2023 và các văn bản tố tụng khác cho anh Phạm Văn H biết để anh H có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị H gửi Tòa án và đến Tòa án làm việc. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, anh H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị H gửi cho Tòa án cũng như không đến Tòa làm việc mà không có lý do.

Người làm chứng là ông Phạm Văn B có bản tự khai trình bày: Ông B là bố đẻ của anh Phạm Văn H. Anh H và chị H tự do tìm hiểu và có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T. Sau khi kết hôn, anh H và chị H chung sống cùng vợ chồng ông, đến năm 2015 vợ chồng ông cắt đất cho anh H và chị H xây nhà ở riêng. Anh H và chị H chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân như chị H trình bày là đúng. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5 năm 2022, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị H và anh H có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án gửi cho anh H, ông Bách đều đã thông báo và giao ngay lại cho anh H nhưng anh H bận công việc, thường xuyên phải đi làm xa nên không thể đến Tòa án làm việc. Anh H có nói với ông B là đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn anh Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; người làm chứng ông Phạm Văn B có ý kiến xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H.H vào ngày 13/7/2004 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng nên hai người đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay, cắt đứt tình cảm và mọi quan hệ với nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về việc chị H xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi kết hôn, chị H và anh H chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng ý kiến, không tìm được tiếng nói chung, anh H thường xuyên uống rượu say chửi đánh chị H nên đến tháng 7 năm 2022 chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, hai người đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm trách nhiệm đối với nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H là trầm trọng, kéo dài nhưng hai người không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm; mặt khác anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đến nay, anh H không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án đã chứng tỏ anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H. Vì vậy, cần chấp nhận yêu khởi kiện của chị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H có 02 con chung là Phạm Anh T sinh ngày 01/7/2005 hiện cháu Thư đã thành niên và cháu Phạm Trung H sinh ngày 27/9/2011 hiện cháu Hiếu đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi cháu Hiếu, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Thư đã thành niên nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H không có ý kiến gì về việc nuôi con. Quá trình tố tụng, cháu Hiếu có ý kiến và nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy cháu Hiếu đang ở cùng chị H và có nguyện vọng được ở cùng chị H, anh H không có ý kiến về việc nuôi con chung sau ly hôn; để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung phát triển và tránh xáo trộn cuộc sống, tâm lý của con chung; căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình, cần giao cháu Hiếu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay và phù hợp với quy định của pháp luật. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con; hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với các con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trung H sinh ngày 27/9/2011 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Phạm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H và anh H có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. (Hiện cháu Hiếu đang ở cùng chị H).

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002922 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.H. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Mùi

Lưu Văn Đề

Nguyễn Thị Hằng

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện H.H;
- Chi cục THADS huyện H.H;
- UBND xã Hải Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng